

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG

(Ban hành theo Quyết định số 36/QĐ-HĐTV-CTY ngày 15/3/2016
của Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên
Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè)

Tháng 3 năm 2016

Số: 36 /QĐ-HĐTV-CTY

Nhà Bè, ngày 15 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin hoạt động của
Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số: 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 quy định chi tiết một số điều của luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2010 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty dịch vụ công ích Nhà Bè thành Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè;

Căn cứ công văn số 7388/ UBND-CNN ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai hệ thống thông tin quản lý các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Thành phố;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên số 57.../BB-HĐTV-CTY ngày 15 tháng 3 năm 2016 về việc thông qua Quy chế Công bố thông tin hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Trưởng các phòng, ban, đội thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Kiểm soát viên;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Huỳnh Ngũ Siêu



QUY CHẾ

Công bố thông tin hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36.. /QĐ-HĐTV-CTY
ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng thành viên Công ty)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung, trình tự, thủ tục, trách nhiệm công bố thông tin về hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, các đơn vị trực thuộc Công ty được Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc phân công nhiệm vụ thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ đối với việc công bố thông tin hoạt động của Công ty theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

- 3.1. “Công ty” là Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè.
- 3.2. “Các đơn vị trực thuộc Công ty” là phòng Tổ chức-Hành chính-Quản trị, phòng Kế hoạch-Đầu tư, phòng Tài chính-Kế toán, phòng Kỹ thuật, các Ban Quản lý dự án, Ban Quản trang, Đội Vệ sinh, Đội Vận chuyển, Đội Cây xanh, Đội Duy tu.
- 3.3. “Ngày làm việc” là các ngày làm việc trong tuần theo quy định thời gian hành chính, trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Bộ luật Lao động.
- 3.4. “Trường hợp bất khả kháng” là trường hợp Công ty không thể kiểm soát được việc xảy ra các sự kiện này hoặc không thể thiết lập các biện pháp hợp lý nhằm ngăn chặn để không cho nó xảy ra hoặc hạn chế thiệt hại khi nó xảy ra.

Điều 4. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

4.1. Việc công bố thông tin của Công ty nhằm bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của Công ty, bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và của xã hội đối với Công ty.

4.2. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, và kịp thời theo quy định của pháp luật. Việc công bố thông tin do người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện. Công ty, trực tiếp là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc) chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

4.3. Việc chuẩn bị nội dung để công bố thông tin do các đơn vị trực thuộc Công ty được phân công thực hiện phải chịu trách nhiệm về nội dung, tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin được công bố trước Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc.

4.4. Việc công bố thông tin được thực hiện trên cơ sở báo cáo công bố thông tin của Công ty. Ngày nộp các nội dung công bố thông tin là ngày văn bản đến cơ quan có thẩm quyền, ngày gửi fax, gửi thư điện tử (Email), ngày công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Ngày công khai thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên các phương tiện công bố thông tin.

4.5. Trường hợp các thông tin được công bố có sự sai lệch, chưa chính xác làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty thì người đại diện theo pháp luật (Giám đốc) phải xác nhận và điều chỉnh thông tin thay đổi hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải có văn bản báo cáo giải trình với cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước.

Điều 5. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

5.1. Hình thức công bố thông tin gồm: văn bản và dữ liệu điện tử.

5.2. Việc công bố thông tin phải được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin gồm : báo cáo bằng văn bản, trang thông tin điện tử, ấn phẩm và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Ngôn ngữ công bố thông tin

Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin của Công ty là tiếng Việt. Trường hợp quy định công bố thông tin bổ sung bằng ngôn ngữ khác, ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin bao gồm tiếng Việt và ngôn ngữ khác theo quy định.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

7.1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng, Công ty phải báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục.

7.2. Việc tạm hoãn công bố thông tin phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của Công ty (trang thông tin điện tử, ấn phẩm khác), đồng thời Công ty phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin. Công ty phải gửi thông báo đề nghị tạm hoãn công bố thông tin cho cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước chậm nhất là năm (05) ngày làm việc sau khi sự kiện bất khả kháng phát sinh.

7.3. Công ty phải theo dõi quá trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước rà soát, đánh giá, chấp nhận việc tạm hoãn công bố thông tin trong thời hạn năm (05) ngày làm

việc kể từ thời điểm nhận được đề nghị tạm hoãn công bố thông tin của Công ty và thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát chung.

Điều 8. Điều chỉnh nội dung công bố thông tin

Trong trường hợp cần điều chỉnh các nội dung công bố thông tin, Công ty có trách nhiệm sửa đổi, cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung thông tin điều chỉnh được phê duyệt. Công ty có trách nhiệm gửi các nội dung điều chỉnh công bố thông tin cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung điều chỉnh được phê duyệt để thực hiện đăng tải thông tin theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

Điều 9. Bảo quản, lưu giữ thông tin

Thông tin công bố phải được duy trì trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là năm (05) năm. Công ty công bố thông tin thực hiện việc bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Các thông tin phải công bố định kỳ

10.1. Công ty phải định kỳ công bố các thông tin sau:

- a. Chiến lược phát triển của Công ty.
- b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của Công ty.
- c. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của Công ty.
- d. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và ba (03) năm gần nhất tính đến năm báo cáo.
- đ. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác (nếu có).
- e. Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới Công ty hàng năm.
- g. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của Công ty.
- h. Báo cáo tài chính sáu (06) tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty.
- i. Báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

10.2. Đối với các chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư có nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước quyết định việc công bố nhằm tránh việc lạm dụng các quy định về nội dung bí mật làm hạn chế tính công khai, minh bạch về kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.

10.3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, Hội đồng thành viên Công ty có trách nhiệm phê duyệt các nội dung công bố thông tin của Công ty theo thẩm quyền; bảo đảm tính công khai, minh bạch và kịp thời của các thông tin được công bố.

Điều 11. Công bố chiến lược phát triển của Công ty

11.1. Công ty có trách nhiệm xây dựng, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước phê duyệt chiến lược phát triển của Công ty không muộn hơn ngày 30 tháng 9 của năm đầu tiên trong kỳ xây dựng chiến lược với một số nội dung cơ bản như: Quan điểm, định hướng phát triển, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu. Công ty phải theo dõi quá trình phê duyệt chiến lược phát triển doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước phê duyệt chiến lược phát triển công ty không muộn hơn ngày 31 tháng 12 của năm đầu tiên trong kỳ xây dựng chiến lược phát triển Công ty.

11.2. Công ty phải công bố chiến lược trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời gửi Sở Thông tin truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày chiến lược phát triển của Công ty được phê duyệt.

Điều 12. Công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của Công ty

12.1. Công ty có trách nhiệm xây dựng, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của Công ty không muộn hơn ngày 30 tháng 9 của năm đầu tiên của kỳ xây dựng kế hoạch theo các nội dung quy định tại phụ lục III kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước. Công ty phải theo dõi quá trình phê duyệt kế hoạch, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của Công ty không muộn hơn ngày 31 tháng 12 của năm đầu tiên trong kỳ xây dựng kế hoạch.

12.2. Công ty phải công bố kế hoạch trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời gửi Sở Thông tin truyền thông và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của Công ty được phê duyệt.

Điều 13. Công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của Công ty

13.1. Công ty có trách nhiệm xây dựng, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của Công ty theo các nội dung quy định tại phụ lục IV kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

13.2. Công ty phải công bố kế hoạch trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời gửi Sở Thông tin truyền thông và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của Công ty được phê duyệt và không muộn hơn ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện kế hoạch.

Điều 14. Công bố báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và ba (03) năm gần nhất tính đến năm báo cáo.

14.1. Công ty xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và ba (03) năm gần nhất

tính đến năm báo cáo theo các nội dung quy định tại phụ lục V kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước. Báo cáo đánh giá phải nêu nhận xét, phân tích về tình hình thực hiện, kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tính đến thời điểm báo cáo và các giải pháp nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm kế tiếp.

14.2. Công ty thực hiện công bố Báo cáo trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi Báo cáo tới Sở Thông tin truyền thông, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định không muộn hơn ngày 20 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện báo cáo.

Điều 15. Công bố báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác (nếu có)

15.1. Công ty xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội (nếu có) theo các nội dung quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

15.2. Công ty thực hiện công bố Báo cáo trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi báo cáo tới Sở Thông tin truyền thông, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định không muộn hơn ngày 20 tháng 6 của năm liền sau năm báo cáo.

Điều 16. Công bố tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới Công ty hàng năm

16.1. Công ty xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới Công ty hàng năm theo các nội dung quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước. Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới Công ty hàng năm có các phân tích, đánh giá về công tác sắp xếp, đổi mới Công ty trong năm, báo cáo và kế hoạch sắp xếp trong năm kế tiếp; dự kiến mức độ hoàn thành và các giải pháp nhằm bảo đảm tiến độ theo phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

16.2. Công ty thực hiện công bố Báo cáo trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi báo cáo tới Sở Thông tin truyền thông, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định không muộn hơn ngày 31 tháng 3 của năm liền sau năm báo cáo.

Điều 17. Công bố báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của Công ty

17.1. Công ty xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của Công ty theo các nội dung quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

17.2. Công ty thực hiện công bố Báo cáo trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi báo cáo tới Sở Thông tin truyền thông, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định không muộn hơn ngày 20 tháng 6 của năm liền sau năm báo cáo.

Điều 18. Công bố báo cáo tài chính của Công ty

18.1. Công ty xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm (đã được kiểm toán) theo các nội dung quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

18.2. Công ty thực hiện công bố Báo cáo trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi báo cáo tới Sở Thông tin truyền thông, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định.

18.3 Công ty công bố và gửi báo cáo tới Chi cục tài chính doanh nghiệp không muộn hơn ngày 31 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo tài chính 6 tháng và không muộn hơn ngày 31 tháng 3 của năm liền sau năm báo cáo đối với báo cáo tài chính năm; Công ty công bố và gửi báo cáo đến Sở Thông tin truyền thông, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư không muộn hơn ngày 15 tháng 8 của năm báo cáo đối với báo cáo tài chính 6 tháng và không muộn hơn ngày 31 tháng 5 của năm liền sau năm báo cáo đối với báo cáo tài chính năm .

Điều 19. Công bố chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

19.1. Công ty xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp theo các nội dung quy định tại phụ lục X kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

19.2. Công ty thực hiện công bố Báo cáo trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi báo cáo tới Sở Thông tin truyền thông, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định không muộn hơn ngày 31 tháng 3 của năm liền sau năm báo cáo.

CHƯƠNG III CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG CỦA CÔNG TY

Điều 20. Các thông tin phải công bố bất thường

Công ty phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và công bố công khai các thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014:

1. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của Công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây :

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của công ty;

c) Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;

d) Thay đổi người quản lý công ty, gồm thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, trưởng phòng tài chính kế toán;

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các người quản lý doanh nghiệp;

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp;

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

h) Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

Điều 21. Trình tự, thủ tục, trách nhiệm công bố thông tin bất thường

Khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty. Thời hạn báo cáo các thông tin bất thường cho Sở Thông tin truyền thông, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư là không muộn hơn 24 giờ và thời hạn công khai các thông tin bất thường là không muộn hơn 36 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè phân công nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện như sau :

22.1. Phòng Tổ chức-Hành chính-Quản trị

a) Tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc: báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.

b) Thực hiện gửi báo cáo bằng văn bản theo quy định, đăng tải các báo cáo bằng dữ liệu điện tử lên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Sở thông tin truyền thông, email Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

c) Xây dựng và duy trì trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin đã nêu tại Điều 10 Quy chế này theo đúng thời gian quy định.

d) Theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan thực hiện báo cáo đúng quy định.

22.2. Phòng Kế hoạch-Đầu tư

Tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc các báo cáo:

- a) Chiến lược phát triển của doanh nghiệp.
- b) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của doanh nghiệp.
- c) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của doanh nghiệp.
- d) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và ba (03) năm gần nhất tính đến năm báo cáo.
- đ) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác (nếu có).
- e) Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm.
- g) Báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

22.3. Phòng Tài chính-Kế toán

Tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc các báo cáo sau : Báo cáo tài chính sáu (06) tháng và báo cáo tài chính năm (đã được kiểm toán) của doanh nghiệp.

Điều 23. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

23.1. Công ty không đảm bảo việc công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn quy định; nội dung công bố thông tin không trung thực theo quy định sẽ bị Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước áp dụng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo.

23.2. Công ty vi phạm các quy định về công bố thông tin theo quy định sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

23.3. Trong trường hợp Công ty vi phạm các quy định về công bố thông tin theo quy định dẫn đến việc cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước không kịp thời đưa ra các ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị, giải pháp dẫn đến tình hình hoạt động của Công ty lâm vào tình trạng khó khăn, gây thất thoát vốn nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước áp dụng hình thức kỷ luật từ hạ bậc lương đến buộc thôi việc và kiến nghị cơ quan chức năng xử lý hình sự đối với quản lý Công ty.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

- Quy chế này gồm 4 chương, 25 điều, có hiệu lực thi hành trong hoạt động của Công ty, kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty ký Quyết định ban hành.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

25.1. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình theo đúng thời gian quy định sau khi các nội dung thông tin công bố được phê duyệt. Công ty có trách nhiệm gửi báo cáo công bố thông tin cho Sở Thông tin truyền thông, Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đúng thời gian quy định.

25.2. Công ty phải đảm bảo tính chính xác, trung thực, đầy đủ của thông tin công bố.

25.3. Các đơn vị trực thuộc Công ty được phân công có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và quản lý việc công bố thông tin của Công ty đúng thời gian, bảo đảm các thông tin công bố được tiếp cận dễ dàng và thuận tiện trên trang thông tin điện tử của Công ty.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY